TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2020
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ

2. Ông Hồ Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 391/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngô Thị NĐ, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã TTT, huyện MC, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bùi Ngọc BĐ, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã TTT, huyện MC, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị NĐ trình bày: Chị và anh Bùi Ngọc BĐ do quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh Tây năm 2011. Thời gian đầu, anh chị sống chung gia đình anh BĐ tại xã Tân Thanh Tây, sau khi sinh con thì anh chị đến Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê.

Hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do anh BĐ không lo làm ăn mà thường tụ tập bạn bè, ham mê cờ bạc, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh BĐ vẫn không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 30/6/2017 đến nay. Nay không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh BĐ.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Bùi Tâm T, sinh ngày 23/4/2012 đang do anh BĐ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh BĐ được trực tiếp nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị NĐ xác định chị và anh BĐ không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Ngọc BĐ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Tuy nhiên qua xác minh, bà Phạm Thị Vốn là mẹ ruột của anh BĐ cho biết, thời gian đầu anh BĐ và chị NĐ chung sống hạnh phúc, khoảng 03 năm nay thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, nguyên nhân do vợ chồng ngày càng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh BĐ ham vui với bạn bè, ít lo làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị NĐ đã về nhà mẹ ruột sống đến nay hơn 01 năm. Về con chung của chị NĐ và anh BĐ là cháu Bùi Tâm T, từ khi sinh ra đến nay anh BĐ là người trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Vốn cùng chồng bà là ông bà nội của cháu T cũng hỗ trợ anh BĐ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện tại cháu T vẫn phát triển ổn định đồng thời anh BĐ hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi dạy cho con nên nếu Tòa án cho chị NĐ và anh BĐ ly hôn, bà Vốn cho biết anh BĐ có nguyện vọng được nuôi con.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành các nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị NĐ và anh BĐ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NĐ, cho chị NĐ và anh BĐ ly hôn nhau. Về nuôi con chung, chị NĐ và anh BĐ có 01 con chung là cháu Bùi Tâm T, sinh ngày 23/4/2012 hiện do anh BĐ trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu T về mặt tinh thần và thể chất, đề nghị Tòa án cho anh BĐ được trực tiếp nuôi con, ghi nhận chị NĐ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị NĐ xác định giữa chị và anh BĐ không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết các vấn đề này trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Xét thấy bị đơn anh Bùi Ngọc BĐ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị NĐ đối với anh Bùi Ngọc BĐ, thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị NĐ và anh Bùi Ngọc BĐ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị NĐ nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng do anh BĐ không lo làm ăn, mà ham mê cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và cũng không còn tình cảm nên anh chị sống ly thân từ ngày 30/6/2017 đến nay. Tòa án đã ra các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự được biết để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh BĐ vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị không có mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, đã để mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NĐ, cho chị NĐ và anh BĐ ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh Bùi Ngọc BĐ đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tâm T, sinh ngày 23/4/2012. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu T, cần tiếp tục giao cháu T cho anh BĐ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị NĐ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi nên ghi nhận và buộc thực hiện.

Về tài sản chung và về nợ chung: Chị NĐ khai giữa chị và anh BĐ không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh BĐ không có ý kiến về các vấn đề này nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng chị Ngô Thị NĐ phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị NĐ còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị NĐ. Chị Ngô Thị NĐ được ly hôn với anh Bùi Ngọc BĐ.

[2] Về nuôi con chung: Anh Bùi Ngọc BĐ được trực tiếp nuôi con tên Bùi Tâm T, sinh ngày 23/4/2012. Chị Ngô Thị NĐ phải cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 800.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 4/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên, cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: Chị NĐ khai chị và anh Giàu không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh BĐ không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng, chị Ngô Thị NĐ phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007633 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Chị NĐ còn phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS ND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Tân Thanh Tây (Số 28; Ngày 23/6/2011)
- Lưu HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lăng